TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẮC QUANG** **TỈNH HÀ GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2020/HS-ST
Ngày 14 - 9 - 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC QUANG, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đàm Thị Tư

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hồng Diện

Ông Trần Lệnh Thi

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Chữ, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Ông Vi Lương Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 25/2020/TLST-HS ngày 04 tháng 8 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2020/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 8 năm 2020 đối với bị cáo:

Lê Thanh T, sinh ngày 16 tháng 6 năm 1987 tại huyện B, tỉnh Hà Giang. Nơi cư trú: Tổ 3, phường Q, thành phố H, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Thanh T, sinh năm 1964 và bà Vũ Thị L, sinh năm 1964; có vợ là Trần Thị T, sinh năm 1994 (đã ly hôn năm 2015), có 01 con sinh năm 2014; tiền sự: Không;

Tiền án: Có 03 tiền án

- Tại bản án số: 30/2016/HSST ngày 27/9/2016 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang xử phạt bị cáo Lê Thanh T 07 tháng tù về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

- Tại bản án số: 04/2017/HSST ngày 03/3/2017 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang xử phạt bị cáo Lê Thanh T 18 tháng tù về tôi "Trộm cắp tài sản", cộng với 07 tháng tù của bản án số: 30/2016/HSST ngày 27/9/2016 của Tòa án nhân dân thành phố H. Tổng hợp hình phạt của 02 bản án buộc bị cáo T pH thi hành 25 tháng tù.

- Tại bản án hình sự số: 06/2017/HSST ngày 21/4/2017 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Hà Giang xử phạt Lê Thanh T 09 tháng tù giam về tội "Trộm cắp tài

sản". Tổng hợp với hình phạt 25 tháng tù theo bản án số: 04/2017/HSST ngày 03/3/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Giang, hình phạt C bị cáo Lê Thanh T pH chấp hành là 34 tháng tù. Ngày 27/01/2019 Lê Thanh T chấp hành xong án phạt chưa được xóa án tích.

Nhân thân: Tại bản án số: 42/2005/HSST ngày 28/10/2005 của Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Hà Giang xử phạt bị cáo Lê Thanh T 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 36 tháng về tội "Trộm cắp tài sản".

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 09/4/2020. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam công an tỉnh Hà Giang. Có mặt.

- Bị hại:

1 - Ông Triệu Xuân M , sinh năm 1959; nơi cư trú: Thôn K, xã T, huyện B, tỉnh Hà Giang. Có mặt

2 - Bà Linh Thị Đ, sinh năm 1965; nơi cư trú: Thôn H, xã H, huyện B, tỉnh Hà Giang. Có mặt

3 - Ông Phạm Văn H, sinh năm 1964; nơi cư trú: Thôn T, xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Giang. Có mặt

4 - Bà Trương Thị K, sinh năm 1988; nơi cư trú: Thôn K, xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Giang. Có mặt

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1 - Ông Nguyễn Quốc K, sinh năm 1972; nơi cư trú: Khu 4, thị trấn P, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Vắng mặt có lý do

2 - Ông Nguyễn Đức V, sinh năm 1986; nơi cư trú: Thôn 68, xã Y, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Có mặt

- Người làm chứng:

1 - Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1976. Vắng mặt

2 - Ông Hoàng Văn T, sinh năm 1976. Vắng mặt

3 - Ông Vũ Văn Q, sinh năm 1982. Vắng mặt

4 - Ông Đặng Văn T, sinh năm 1968. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong tháng 02/2020 trên địa bàn huyện Bắc Quang liên tiếp xảy ra nhiều vụ trộm cắp tài sản xe mô tô cụ thể như sau:

Ngày 23/02/2020 ông Triệu Xuân M , sinh năm 1959, trú tại thôn K, xã T, huyện B bị mất trộm 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại DREAM2, BKS 23H1 - 1025.

Ngày 25/02/2020 bà Linh Thị Đ, sinh năm 1965, trú tại thôn H, xã A, huyện B bị mất trộm 01 xe mô tô nhãn hiệu SYM, loại Elegant, BKS 23D1 - 179.66 trên xe có 01 bao gạo san ưu khối lượng 30 kg, trong cốp xe có 01 đăng ký xe mô tô BKS 23D1 - 179.66 mang tên Linh Thị Đ.

Ngày 26/02/2020 ông Phạm Văn H, sinh năm 1964, trú tại thôn T, xã Đ, huyện B bị mất 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Dream, BKS 23H2 - 0360. Cùng ngày 26/02/2020 bà Trương Thị K, sinh năm 1988, trú tại thôn K, xã Đ, huyện B bị mất trộm 01 xe mô tô màu đỏ đen, nhãn hiệu Honda, số loại Blade, BKS 23D1 - 314.29.

Trên cơ sở trình báo của những người bị mất tài sản nêu trên, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bắc Quang tiến hành truy tìm vật chứng, truy xét đối tượng thực hiện hành vi phạm tội. Quá trình điều tra, xác minh ngày 28/02/2020 cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bắc Quang phát hiện xe mô tô BKS 23D1 - 179.66 tại nhà ông Nguyễn Quốc K, sinh năm 1972, trú tại Khu 4, thị trấn P, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Qua làm việc, ông K khai ngày 27/02/2020 có một người tên T nhà ở Hà Giang cùng một người tên là C (không giới thiệu nhà ở đâu) điều khiển 02 xe mô tô gồm xe mô tô BKS 23D1 - 179.66 và xe mô tô BKS 23D1 - 314.29 đến quán ông K để bán, do xe mô tô BKS 23D1 - 179.66 có đăng ký xe nên ông K mua với giá 3.000.000^{đ} (Ba triệu đồng), khi mua bán ông K và T có làm giấy bán xe. Quá trình làm việc ông K đã giao nộp cho cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bắc Quang chiếc xe mô tô BKS 23D1 - 179.66 và 01 giấy bán xe ngày 27/02/2020 người bán tên Hoàng Văn T và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 000868 cấp cho xe mô tô BKS 23D1 - 179.66 mang tên Linh Thị Đ, đồng thời cung cấp hình ảnh đối tượng bán xe. Sau khi thu thập thông tin, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bắc Quang xác định được đối tượng bán xe là Lê Thanh T, sinh năm 1987, trú tại Tổ 3, phường Q, thành phố H, tỉnh Hà Giang, đối tượng đi cùng T là Dương Quang C, sinh năm 1983, quê tại khu Đ, thị trấn P, huyện T, tỉnh Phú Thọ; đăng ký HKTT tại thôn T, xã C, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Ngày 10/03/2020 Cơ quan CSĐT Công an huyện Bắc Quang đã ban hành thông báo số 10, 11 truy tìm đối tượng Lê Thanh T và Dương Quang C.

Ngày 09/4/2020 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bắc Quang đã tìm được Lê Thanh T, Quá trình làm việc T khai nhận: Ngày 22/02/2020 bạn của T tên là H, trú tại huyện S, thành phố H (T không biết họ, tuổi và địa chỉ cụ thể của H) có gọi điện thoại từ số 0857.901.156 vào số điên thoại của T là 0988.167.761, qua nói chuyện trên điện thoại T đã rủ H lên Hà Giang để cùng nhau đi trộm cắp tài sản, H đồng ý. Ngày 23/02/2020 H bắt xe khách lên đến khu vực chợ T, thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang xuống xe và đợi T. Khoảng 06 giờ sáng ngày 23/02/2020 T đến nhà ông Nguyễn Đức V, sinh năm 1986, trú tại thôn 68, xã Y, huyện H, tỉnh Tuyên Quang để mượn xe mô tô biển kiểm soát 22B1 - 210.03, nhãn hiệu WAVE ZX, màu đỏ đen của ông V (khi mượn xe T không nói cho ông V biết đi đâu, làm gì), sau khi mượn được xe mô tô, T điều khiển xe lên thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang đón H, đến khoảng 07 giờ sáng cùng ngày T đến ngã ba chợ T, thị trấn V thì gặp H. Sau đó, T điều khiển xe máy chở H ngồi phía sau cùng đi vào xã V với mục đích đi tìm xe máy để trộm cắp, khi đi qua xã V, huyện B không trộm được

chiếc xe nào, T tiếp tục điều khiển xe đi vào xã T, khi đi đến thôn K, lúc đó khoảng 09 giờ 30 phút, T phát hiện 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại DREAM2, BKS 23H1 - 1025 dựng ở lề đường bên phải hướng V- T, sau khi quan sát thấy không có ai trông giữ xe và không có người đi lại nên T dừng lại cách xe mô tô BKS 23H1 - 1025 khoảng 01 mét để H xuống xe và cầm theo 01 van phá khóa bằng thanh kim loại hình chữ T có một đầu dẹt (do H chuẩn bị từ trước) đến mở ổ khóa điện. Sau khi nổ được xe, H điều khiển xe mô tô vừa trộm cắp được, còn T điều khiển xe mô tô đã mượn của ông V quay lại đường cũ, đi được khoảng 01 km T và H dừng xe để đổi lái xe cho nhau, T điều khiển chiếc xe mô tô BKS 23H1 - 1025 vừa trộm cắp được đi phía trước còn H điều khiển xe mô tô BKS 22B1 - 210.03 đi phía sau nhằm tránh chủ tài sản và Công an phát hiện truy đuổi. T và H điều khiển xe ra đến đường quốc lộ II đi theo hướng Hà Giang - Tuyên Quang, khi đến nhà V, T và H dừng xe để trả xe mô tô BKS 22B1 - 210.03 cho ông V nhưng không có ai ở nhà, nên T dựng xe ở sân nhà rồi cùng H điều khiển xe mô tô BKS 23H1 - 1025 theo hướng đi Hà Nội, trên đường đi, khi đến nhà trọ của anh Dương Quang C (là bạn của T) tại thị trấn P, huyện N, tỉnh Phú Thọ thì T xuống xe và ở lại đó, còn H tiếp tục điều khiển xe mô tô trộm cắp được về Hà Nội bán.

Ngày 25/02/2020 H gọi điện thoại cho T rủ T tiếp tục lên huyện B tìm xe máy để trộm cắp, T đồng ý, đến khoảng 12 giờ cùng ngày H đi xe khách lên đến huyện N, tỉnh Phú Thọ đón T, T lên xe với H trên đường đi H nói với T bán xe mô tô BKS 23H1 - 1025 được 3.000.000^{đ} (Ba triệu đồng), H không nói địa chỉ bán cụ thể chỉ nói bán ở Hà Nội. Số tiền bán xe do trộm cắp T và H thống nhất sẽ chi tiêu C vào việc ăn uống, đi lại, ngủ nghỉ, sinh hoạt. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày T và H xuống xe khách phía trước nhà ông Nguyễn Đức V tại thôn 68, xã Y, huyện H, tỉnh Tuyên Quang, sau đó H ở ngoài còn T vào nhà ông Nguyễn Đức V mượn xe mô tô biển kiểm soát 22B1 - 210.03, nhãn hiệu WAVE ZX, màu đỏ của ông V (khi mượn xe T không nói cho ông V biết đi đâu, làm gì). Sau khi mượn được xe, T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 22B1 - 210.03 chở H đi theo đường quốc lộ II hướng lên Hà Giang, khoảng 18 giờ cùng ngày khi đến khu vực cổng làng thôn H, xã A, huyện B, tỉnh Hà Giang thấy có 01 xe mô tô nhãn hiệu SYM, số loại ELEGANT, màu sơn xanh, biển kiểm soát 23D1 - 179.66, trên xe có 01 bao tải dứa có gạo bên trong, dựng ở cạnh đường bê tông cách cổng làng khoảng 23 mét, đầu xe quay hướng vào bên trong, đuôi xe quay ra ngoài đường quốc lộ, quan sát thấy không có ai, T điều khiển xe đi vào gần chiếc xe mô tô biển kiểm soát 23D1 - 179.66 T dừng xe để H xuống xe và cầm theo 01 van phá khóa bằng thanh kim loại hình chữ T có một đầu dẹt (H mang theo từ trước) đến mở ổ khóa điện xe mô tô BKS 23D1 - 179.66. Sau khi mở được ổ khóa điện H nổ máy điều khiển xe ra đường quốc lộ II, T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 22B1 - 210.03 đi phía sau theo hướng về Hà Nội, đi được khoảng 01 km H dừng xe, vứt bao gạo ở trên xe xuống lề đường (T không nhớ chính xác vị trí vứt bao gạo). T và H tiếp tục điều khiển xe đi, khi đến huyện N, tỉnh Phú Thọ, T gửi chiếc xe mô tô BKS 23D1 - 179.66 ở phòng trọ của Dương Quang C (là bạn của T) tại thị trấn P, huyện N, lúc đó khoảng 21 giờ cùng ngày. Sau khi gửi được xe T điều khiển chiếc mô tô biển kiểm soát 22B1 - 210.03 chở H quay lại thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang,

khoảng 01 giờ sáng ngày 26/02/2020 T và H đến thị trấn V, huyện B rồi đi thuê phòng nghỉ tại nhà nghỉ H thuộc thôn T, thị trấn V, huyện B.

Khoảng 10 giờ ngày 26/02/2020 T và H đi ăn sáng, sau đó T điều khiển xe mô tô BKS 22B1 - 210.03 chở H ngồi phía sau đi từ thị trấn V, huyện B vào xã Đ, huyện B, khi đi đến thôn T, xã Đ lúc đó khoảng 12 giờ, T phát hiện 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Dream, màu sơn nâu, BKS 23H2 - 0360 dựng phía bên trái đường đi vào xã, quan sát không thấy ai, T liền dừng xe để H xuống và cầm theo 01 van phá khóa bằng thanh kim loại hình chữ T có một đầu dẹt đi vào mở ổ khóa điện xe mô tô BKS 23H2 - 0360, sau khi nổ được xe, H điều khiển chiếc xe mô tô trộm cắp được đi ra hướng thị trấn V, còn T điều khiển xe mô tô BKS 22B1 - 210.03 đi phía sau. Đi được khoảng 500 mét, H dừng xe lại bảo T xe này bán được ít tiền nên H bỏ lại chiếc xe vừa trộm cắp được tại lề đường bên phải, sau khi đi được khoảng 01 km đến thôn K, xã Đ lúc đó khoảng 12 giờ 30 phút thì phát hiện 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Blade, màu đỏ đen, BKS 23D1 - 314.29 đang để trước cửa nhà, không có người trông coi, chìa khóa cắm trong ổ khóa, nên H xuống dắt xe mô tô ra đường rồi nổ máy điều khiển xe theo hướng ra đường Quốc lộ II, T điều khiển xe mô tô BKS 22B1 - 210.03 đi phía sau. Khi ra đến đường quốc lộ II, T và H điều khiển xe đi theo hướng Tuyên Quang, đến huyện H thì T trả xe mô tô BKS 22B1 - 210.03 cho V nhưng không có ai ở nhà nên T để xe ở ngoài sân, rồi cùng H điều khiển xe mô tô BKS 23D1 - 314.29 trộm cắp được đi về Hà Nội, đến huyện N, tỉnh Phú Thọ, H bắt xe khách về Hà Nội, còn T điều khiển xe mô tô BKS 23D1 - 314.29 đến phòng trọ của Dương Quang C là bạn của T. Đến khoảng 11 giờ ngày 27/02/2020 T nhờ C điều khiển xe mô tô BKS 23D1 - 314.29, còn T điều khiển xe mô tô BKS 23D1 - 179.66 (là chiếc xe T gửi nhờ ở phòng trọ của C ngày 25/02/2020) đến cửa hàng xe máy của ông Nguyễn Quốc K, sinh năm 1972, địa chỉ Khu 4, thị trấn P, huyện T, tỉnh Phú Thọ để bán 02 chiếc xe, tại đây T chỉ bán được chiếc xe mô tô BKS 23D1 - 179.66 cho ông K với giá 3.000.000^{đ} (Ba triệu đồng), khi bán xe có kèm theo giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Linh Thị Đ, sinh năm 1965, địa chỉ xã H, huyện B, tỉnh Hà Giang. T có viết giấy bán xe ghi là Hoàng Văn T và T có nói là xe của chị gái cho, T không đi nên đem đi bán, do vậy ông K không biết chiếc xe đó là do T trộm cắp. Số tiền 3.000.000^{đ} (Ba triệu đồng) T đã chi tiêu hết. Đối với chiếc xe mô tô BKS 23D1 - 314.29 do không có giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô nên ông K không mua, đến ngày 28/02/2020 T điều khiển xe mô tô BKS 23D1 - 314.29 đi về Hà Nội rồi đưa xe cho H đi bán, còn T đi đến huyện M, thành phố Hà Nội chơi. Sau đó H bán xe mô tô đó cho ai, ở đâu T không biết vì từ đó H không liên lạc với T.

Trong ngày 09/3/2020 và ngày 20/3/2020 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bắc Quang đã có yêu cầu định giá tài sản đối với chiếc 04 xe máy bị cáo đã trộm cắp.

- Tại biên bản định giá tài sản và bản kết luận định giá tài sản số: 10/KL-HĐĐG ngày 18/3/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Bắc Quang kết luận: 01 (một) xe máy nhãn hiệu HONDA, số loại DREAM2, màu sơn tím, số máy 0298265, số khung 0298265, đăng ký biển kiểm soát số 23H1 - 1025 được mua từ năm 1997. Xác định giá trị tài sản cũ đã qua sử dụng tại thời

điểm mất trộm tháng 02/2020, với giá: 5.160.000đ (Năm triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng).

- Tại biên bản định giá tài sản và bản kết luận định giá tài sản số 18/KL-HĐĐG ngày 23/3/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Bắc Quang kết luận: 01 (một) xe máy nhãn hiệu SYM, số loại ELEGANT, màu sơn xanh, số máy MSACEH042743, số khung 10MHEH042743, đăng ký biển kiểm soát số 23D1 - 179.66, được mua từ năm 2014. Xác định giá trị tài sản cũ đã qua sử dụng tại thời điểm mất trộm tháng 02/2020, với giá: 6.800.000đ (Sáu triệu tám trăm nghìn đồng).

- Tại biên bản định giá tài sản và bản kết luận định giá tài sản số 19/KL-HĐĐG ngày 23/3/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Bắc Quang kết luận: 01 (một) xe máy nhãn hiệu HONDA, số loại BLADE, màu sơn đỏ - đen, số máy JA36E0428184, số khung 3631GY007734, đăng ký biển kiểm soát 23D1 - 314.29, được mua mới từ năm 2018. Xác định giá trị tài sản cũ đã qua sử dụng tại thời điểm mất trộm tháng 02/2020, với giá: 10.750.000đ (mười triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng); 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, số loại DREAM, màu sơn nâu, số máy HA05E-0261783, số khung HHA0608WY261765, đăng ký biển kiểm soát số 23H2 - 0360, xe được mua từ năm 2001. Xác định giá trị tài sản cũ đã qua sử dụng tại thời điểm mất trộm tháng 02/2020, với giá: 2.250.000đ (Hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

Ngày 23/6/2020 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bắc Quang đã có yêu cầu định giá tài sản đối với 30 kg gạo san ưu màu trắng; 01 bao tải dứa màu đỏ. Tại biên bản họp và bản kết luận định giá tài sản số 41/KL-HĐĐG ngày 03/7/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Bắc Quang kết luận: 30 kg gạo san ưu màu trắng cùng, thời điểm định giá tháng 02/2020 với giá 420.000đ (Bốn trăm hai mươi nghìn đồng); 01 bao tải dứa màu đỏ, đã cũ đã qua sử dụng thời điểm định giá tháng 02/2020 với giá 10.000đ (Mười nghìn đồng). Tổng cộng 430.000đ (Bốn trăm ba mươi nghìn đồng).

Như vậy, tổng trị giá tài sản Lê Thanh T trộm cắp trong vụ án này là 25.390.000đ (Hai mươi lăm triệu, ba trăm chín mươi nghìn đồng).

Riêng đối tượng tên H là người cùng thực hiện hành vi trộm cắp tài sản theo lời khai của bị cáo, nhưng bị cáo không biết họ tên, tuổi và địa chỉ cụ thể ở đâu. Quá trình điều tra cơ quan Công an huyện Bắc Quang đã điều tra, xác minh nhưng vẫn chưa xác định đối tượng H là ai, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện đã tách ra, tiếp tục thu thập chứng cứ, điều tra để xử lý theo quy định.

Với hành vi trên, tại Cáo trạng số 29/CT-VKSBQ ngày 03/8/2020 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang đã truy tố Lê Thanh T về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên toà, bị cáo đã thừa nhận T bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu. Còn các bị hại Triệu Xuân M yêu cầu bị cáo bồi thường giá trị chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA, số loại DREAM 2, màu sơn tím,

BKS 23H1 - 1025 là 5.160.000đ; bị hại Linh Thị Đ yêu cầu bị cáo bồi thường tiền công đi tìm xe máy là 1.000.000đ và trị giá 30 kg gạo san ưu là 430.000đ, tổng cộng là 1.430.000đ (Một triệu bốn trăm ba mươi nghìn đồng). Bị hại Trương Thị K yêu cầu bị cáo bồi thường giá trị chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA, số loại BLADE, màu sơn đỏ - đen, BKS 23D1 - 314.29 là 10.750.000đ và 3.000.000đ tiền công thuê người đi tìm chiếc xe; tổng số tiền là 13.750.000đ (Mười ba triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng). Riêng bị hại Phạm Văn H quá trình điều tra đã được trả lại chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA, số loại DREAM, màu sơn nâu, BKS 23H2 - 0360, nên không yêu cầu bồi thường.

Sau khi phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, tại phiên toà đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang vẫn giữ nguyên quyết định truy tố Lê Thanh T về tội "Trộm cắp tài sản"

- Về Điều luật áp dụng và hình phạt chính: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; đoạn 1 điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, đoạn 1 điểm h Điều 52; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lê Thanh T từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù, thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt giữ 09/4/2020.

- Hình phạt bổ sung: Bị cáo lao động tự do, không có thu nhập ổn định, nên không đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

- Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

+ Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu OPPO, vỏ màu vàng - đồng, màn hình phía trên có nhiều vết nứt vỡ, điện thoại cũ đã qua sử dụng, có gắn 02 sim Viettel, trên sim có số 89840480000500328752; 8984040667008500103; 01 thẻ nhớ nhãn hiệu ADATA loại 8GB.

+ Trả lại ông Nguyễn Đức V, trú tại thôn 68, xã Y, huyện H, tỉnh Tuyên Quang: 01 xe máy BKS 22B1 – 210.03, loại WAVE ZX, màu sơn đỏ đen, số máy C09E-5086243, số khung 09065Y049581, xe cũ đã qua sử dụng có nhiều vết xước, xe không có gương chiếu hậu, chắn bùn trước cắt 01 phần, yếm trái bị vỡ dài khoảng 20 cm; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe máy số 079470, biển số đăng ký 22B1 – 210.03, tên chủ xe Phạm Văn C sinh năm 1984, địa chỉ xã K, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

- Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự, Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự, công nhận sự thỏa thuận về phần trách nhiệm dân sự giữa bị cáo và gia đình các bị hại như sau: Bị cáo Lê Thanh T bồi thường tiền công đi tìm xe máy và 30 kg gạo san ưu cho bị hại Linh Thị Đ số tiền 1.430.000đ *(Một triệu bốn trăm ba mươi nghìn đồng)*; bồi thường cho bị hại Trương Thị K giá trị tài sản bị mất và tiền công đi tìm xe máy là 13.750.000đ *(mười ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng)*. Buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại Triệu Xuân M trị giá tài sản bị mất là 5.160.000đ *(năm triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng)*.

- Án phí: Đề nghị buộc bị cáo phải chịu áp phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Tại phiên tòa bị cáo nhất trí với tội danh và mức hình phạt mà Kiểm sát viên đã đề nghị trong bản luận tội. Các bị hại đề nghị xử phạt bị cáo theo đúng quy định của pháp luật.

Lời nói sau cùng: Bị cáo đề nghị hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo và đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Cảnh sát điều tra, Viện kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên của huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục của Bộ luật Tố tụng hình sự quy định. Giai đoạn điều tra cũng như tại phiên toà những người tham gia tố tụng trong vụ án không có ý kiến, khiếu nại gì về hành vi, quyết định của các cơ quan, người tiến hành tố tụng. Do đó các chứng cứ, tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và một số nhân chứng. Tuy nhiên, xét thấy sự vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử. Căn cứ khoản 1 Điều 292, 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục C.

[3] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hoàn T phù hợp với lời khai của bị cáo tại giai đoạn điều tra và phù hợp với lời khai của các bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; các biên bản sự việc; các biên bản khám nghiệm hiện trường; sơ đồ hiện trường và bản ảnh khám nghiệm hiện trường; các biên bản xác định hiện trường; bản ảnh xác định hiện trường; các biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu; các biên bản định giá tài sản và các bản kết luận của Hội đồng định giá tài sản huyện Bắc Quang cùng tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ xác định: Trong các ngày 23/02/2020, ngày 25/02/2020 và ngày 26/02/2020, lợi dụng sự sơ hở của các chủ sở hữu đối với tài sản, bị cáo Lê Thanh T đã cùng đối tượng H lén lút thực hiện hành vi trộm các tài sản gồm 04 chiếc xe máy và 30 kg gạo San ưu, trên cơ sở định giá đã xác định được tổng trị giá tài sản bị cáo đã trộm cắp trong vụ án này là 25.390.000^{đ} (Hai mươi lăm triệu, ba trăm chín mươi nghìn đồng). Do đó bị cáo Lê Thanh T phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự, như Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang đã truy tố là hoàn T đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Xét hành vi phạm tội của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, chỉ trong một thời gian ngắn bị cáo đã liên tục xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác là khách thể được pháp luật hình sự Việt Nam bảo vệ. Đồng thời còn làm mất trật tự trị an tại địa phương, gây lo lắng cho quần chúng nhân dân trong việc quản lý tài sản. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhưng vì lười lao động, bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở của các chủ sở hữu lén lút thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của

người khác 04 lần, mỗi lần là 01 chiếc xe máy và bán được 02 chiếc xe máy với số tiền là 6.000.000đ bị cáo đã tiêu sài hết cho mục đích của cá nhân. Mặt khác, bản thân bị cáo là người đã có 03 tiền án, bị cáo không lấy đó làm bài học để sửa chữa lỗi lầm mà vẫn tiếp tục phạm tội với lỗi cố ý, điều đó cho thấy bị cáo có lối sống coi thường kỷ cương pháp luật của Nhà nước. Do đó, cần áp dụng mức án nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định nhằm giáo dục bị cáo nói riêng và để răn đe phòng ngừa C.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Trong vụ án này, bị cáo Lê Thanh T đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản 04 lần, mỗi lần 01 chiếc xe máy, giá trị tài sản của mỗi lần trộm cắp đã định giá đều trên 2.000.000 đồng, ngoài ra, bản thân bị cáo là người đã bị kết án, chưa được xóa án tích, mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý, nên bị cáo T phải chịu các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đó là "Phạm tội 02 lần trở lên" và "Tái phạm" được quy tại điểm g và đoạn 1 điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, nhưng không ăn năn hối cải, bởi từ năm 2016 đến nay bị cáo liên tiếp tực hiện hành vi trộm cắp tài sản, đã bị kết án nhưng vẫn tiếp tục phạm tội, trong vụ án này bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp 04 lần, do đó bị cáo chỉ được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại đoạn 1 điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[7] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự thì người phạm tội có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập ổn định, không có điều kiện về tài sản. Do vậy, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[8] Trong vụ án này, theo lời khai của bị cáo Lê Thanh T còn có đối tượng tên H đã cùng thực hiện hành vi trộm cắp tài sản với bị cáo, nhưng bị cáo không biết họ, tuổi và địa chỉ cụ thể của H ở đâu. Quá trình điều tra cơ quan Công an huyện Bắc Quang đã điều tra, xác minh nhưng vẫn chưa xác định đối tượng H là ai, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện đã tách ra, tiếp tục thu thập chứng cứ, điều tra để xử lý theo quy định. Do đó Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét.

[9] Đối với Dương Quang C là người cho bị cáo để nhờ tài sản trộm cắp, quá trình điều tra, xác minh Dương Quang C không có mặt tại địa phương, nên cơ quan không tiến hành làm việc được với C, tại phiên tòa bị cáo Lê Thanh T khẳng định trong các lần gửi tài sản tại phòng trọ của C, bị cáo không nói cho C biết đó tài tài sản trộm cắp và khi rủ C đi cùng để bán xe máy, T cũng không nói cho C biết và C cũng không được hưởng lợi gì, nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét. Đối với ông Nguyễn Đức V là người cho bị cáo mượn xe máy sử dụng làm phương tiện đi lại để trộm cắp tài sản, tuy nhiên quá trình cho mượn xe ông Nguyễn Đức V không biết bị cáo mượn xe đi đâu làm gì nên cơ quan điều tra không xem xét xử lý là có cơ sở.

[10] Trong vụ án này còn có ông Nguyễn Quốc K, sinh năm 1972, là người mua chiếc xe mô tô BKS 23D1 - 179.66. Tuy nhiên, khi mua tài sản này ông K

không biết đó là tài sản do bị cáo trộm cắp mà có, đồng thời quá trình mua bán chiếc xe máy ông K và bị cáo đã làm giấy tờ mua bán theo đúng quy định, Hội đồng xét xử không xem xét.

[11] Về trách nhiệm dân sự: Trong giai đoạn điều tra, các bị hại ông Phạm Văn H và Linh Thị Đ đã nhận lại được tài sản theo biên bản trả lại đồ vật, tài liệu ngày 23/6/2020 của Công an huyện Bắc Quang (bút lục 173, 174), quá trình điều tra và tại phiên tòa bị hại Phạm Văn H không yêu cầu bồi thường về trách nhiệm dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[12] Đối với các bị hại còn lại, đề nghị Tòa án giải quyết phần trách nhiệm dân sự cụ thể như sau: Bị hại Linh Thị Đ yêu cầu bồi thường tiền công đi tìm xe máy và 30 kg gạo San ưu tổng số tiền là 1.430.000 đồng; bị hại Trương Thị K yêu cầu bồi thường giá trị chiếc xe máy bị mất và tiền công thuê người đi tìm xe máy là 13.750.000đ (trong đó trị giá xe máy là 10.750.000đ, tiền công đi tìm là 3.000.000đ); bị hại Triệu Xuân M yêu cầu bồi thường giá trị chiếc xe máy bị mất là 5.160.000đ. Tại phiên tòa bị cáo Lê Thanh T nhất trí bồi thường khoản tiền công đi tìm xe máy cho bị hại Linh Thị Đ 1.000.000đ và bị hại Trương Thị K 3.000.000đ, đối với các tài sản bị mất chưa thu hồi được để trả lại cho các bị hại còn lại, bị cáo chỉ nhất trí bồi thường theo giá trị tài sản đã được định giá có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy việc thoả thuận về phần trách nhiệm dân sự giữa bị cáo với các gia đình bị hại về khoản tiền công đi tìm xe máy và giá trị tài sản cho bị hại Linh Thị Đ, Trương Thị K và ông Triệu Xuân M là hoàn T tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật, do vậy cần được chấp nhận theo Điều 48 của Bộ luật Hình sự và các Điều 584, 585, 586 và 589 của Bộ luật Dân sự.

[12] Trong vụ án còn có người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Quốc K, tại giai đoạn điều tra không yêu cầu bị cáo phải bồi thường đối với số tiền đã bỏ ra để mua xe máy là 3.000.000[đ], nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[13] Về xử lý vật chứng: Trên cơ sở những vật chứng cơ quan điều tra Công an huyện Bắc Quang đã thu giữ trong vụ án, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 47, 48 của Bộ luật Hình sự . Xử lý như sau:

[14] Đối với những vật chứng đã thu giữ trong vụ án thuộc quyền sở hữu hợp pháp của các bị hại, quá trình điều tra Cơ quan Công an huyện Bắc Quang đã ra quyết định xử lý vật chứng và lập biên bản trả lại đồ vật ngày 23/6/2020 theo đúng quy định cho bà Linh Thị Đ và ông Phạm Văn H, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[15] Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước vật chứng có liên quan đến hành vi phạm tội là: 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu OPPO, vỏ màu vàng - đồng, màn hình phía trên có nhiều vết nứt vỡ, điện thoại cũ đã qua sử dụng, có gắn 02 sim Viettel, trên sim có số 89840480000500328752; 89840406670085001 03; 01 thẻ nhớ nhãn hiệu ADATA loại 8GB.

[16] Đối với những vật chứng không liên quan đến hành vi phạm tội cần trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp sau: Trả lại ông Nguyễn Đức V, trú tại thôn 68, xã Y,

huyện H, tỉnh Tuyên Quang: 01 xe máy BKS 22B1 – 210.03, nhãn hiệu WAVE ZX, màu sơn đỏ đen, số máy C09E-5086243, số khung 09065Y049581, xe cũ đã qua sử dụng có nhiều vết xước, xe không có gương chiếu hậu, chắn bùn trước cắt 01 phần, yếm trái bị vỡ dài khoảng 20 cm; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe máy số 079470, biển số đăng ký 22B1 – 210.03, tên chủ xe Phạm Văn C sinh năm 1984, địa chỉ xã K, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

[17] Về án phí: Bị cáo Lê Thanh T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; đoạn 1 điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, đoạn 1 điểm h khoản 1 Điều 52; các Điều 38, 50 và Điều 47, khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Các Điều 357, 468, 584, 585, 586 và 589 của Bộ luật Dân sự; Điều 106; khoản 2 Điều 136; Điều 331, Điều 333 và Điều 337 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điều 3, Điều 21, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Tuyên bố bị cáo Lê Thanh T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Hình phạt: Xử phạt bị cáo Lê Thanh T 02 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ (ngày 09/4/2020).

3. Về trách nhiệm dân sự: Công nhận sự thỏa thuận về phần trách nhiệm dân sự giữa bị cáo và gia đình các bị hại:

- Bị cáo Lê Thanh T bồi thường cho bà Linh Thị Đ, trú tại thôn H, xã A, huyện B, tỉnh Hà Giang số tiền 1.430.000đ *(Một triệu bốn trăm nghìn đồng)*

- Bồi thường cho bà Trương Thị K, trú tại Thôn K, xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Giang số tiền 13.750.000đ *(Mười ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).*

- Bồi thường cho ông Triệu Xuân M , trú tại Thôn K, xã T, huyện B, tỉnh Hà Giang số tiền 5.160.000đ *(Năm triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng)*;

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu OPPO, vỏ màu vàng - đồng, màn hình phía trên có nhiều vết nứt vỡ, điện thoại cũ đã qua sử dụng, có gắn 02 sim Viettel, trên sim có số

89840480000500328752; 89840406670085001O3; 01 thẻ nhớ nhãn hiệu ADATA loại 8GB.

- Trả lại ông Nguyễn Đức V, trú tại thôn 68, xã Y, huyện H, tỉnh Tuyên Quang: 01 xe máy BKS 22B1 – 210.03, nhãn hiệu WAVE ZX, màu sơn đỏ đen, số máy C09E-5086243, số khung 09065Y049581, xe cũ đã qua sử dụng có nhiều vết xước, xe không có gương chiếu hậu, chắn bùn trước cắt 01 phần, yếm trái bị vỡ dài khoảng 20 cm; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe máy số 079470, biển số đăng ký 22B1 – 210.03, tên chủ xe Phạm Văn C sinh năm 1984, địa chỉ xã K, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan Công an huyện Bắc Quang và Chi cục thi hành án dân sự huyện Bắc Quang ngày 10/8/2020

5. Về án phí: Bị cáo Lê Thanh T phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 1.017.000đ án phí dân sự có giá ngạch. Tổng số tiền án phí bị cáo phải chịu là 1.217.000đ (Một triệu, hai trăm, mười bẩy nghìn đồng).

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, các bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án sao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh;
- VKSND tỉnh Hà giang;
- VKSND huyện Bắc Quang;
- Công an huyện Bắc Quang (02 bản);
- Chi cục THADS huyện;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Giang;
- UBND P.Q, TP H;
- Những người tham gia tố tụng;
- Bộ phận THA hình sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Đàm Thị Tư